

Số: 487 /KT-QLBVR- FSC

Gia Lai, ngày 09 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH BẢO VỆ HÀNH LANG VEN SUỐI VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quy Nhơn ban đầu được thành lập theo Quyết định số 1445/QĐ-TC ngày 12/7/1977 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình (cũ).

Chức năng, nhiệm vụ chính là Trồng rừng phòng hộ chống cát bay ven biển, phủ xanh đất trống đồi núi trọc và quản lý bảo vệ diện tích rừng trồng theo chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước giao.

Qua nhiều năm hoạt động và phát triển theo chủ trương của Nhà nước để phù hợp với từng giai đoạn. Hiện nay, chức năng nhiệm vụ chủ yếu của công ty là: Trồng rừng và chăm sóc rừng; khai thác gỗ; khai thác lâm sản ngoài gỗ; hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; đầu tư kinh doanh, dịch vụ du lịch sinh thái; Thiết kế, giám sát thi công các công trình lâm sinh; quản lý, bảo vệ rừng; chế biến gỗ và lâm sản khác; sản xuất, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; kinh doanh giống cây trồng và cây, hoa cảnh; dịch vụ nông, lâm, ngư, công nghiệp.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện nhiệm vụ công ích, làm chủ đầu tư cho công tác xây dựng rừng phòng hộ theo chương trình dự án bảo vệ và phát triển rừng của Chính phủ và các dự án của Tỉnh.

Thực hiện Kế hoạch quản lý rừng bền vững, Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn xây dựng kế hoạch bảo vệ hành lang ven suối và đa dạng sinh học giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

I. HIỆN TRẠNG CÁC SUỐI, KHE, RẠCH TRONG ĐỊA BÀN

1. Các khe suối trên địa phận Công ty quản lý

Stt	Đội QL BVR	Tên suối	Số dòng chảy (dòng)	Tổng chiều dài (m)	Chia theo bề rộng dòng chảy				Mô tả hiện trạng thực bì mỗi bên
					Suối cấp 2 (10-20 m)	Suối cấp 3 (5-10 m)	Suối cấp 4 (2-5 m)	Suối cấp 5 (<2 m)	
		Tổng		7.218	595	4.402	2.221	-	-
1	Đội	Suối Canh	1	422		422			cây

	QLBVR Bắc Sơn	Vinh							bụi, dây leo, cây gỗ tái sinh, rừng trồng
		Suối Hà Tang	1	1.642		1.248	394		
		Suối Hà Tang 1	2	3.114	595	2.141	378		
		Suối Hà Tang 2	1	538			538		
		Suối đất sét	1	598			598		
		Suối Canh Hiền	1	904		591	313		
		Tổng		15.116	5.353	8.662	1.101	-	-
2	Đội QLBVR Long Mỹ	Suối Cắm	1	3.939	2.603	1.051	285		cây bụi, dây leo, cây gỗ và cây gỗ tái sinh, lau lách
		Suối nước khoáng 1	1	1.065		1.065			
		Suối nước khoáng 2	1	2.409		2.409			
		Suối nước khoáng 3	1	781		781			
		Suối nước khoáng 4	1	836		404	432		
		Suối Nhiên	1	2.750	2.750				
		Suối Nhiên(nhánh 1)	1	1.206		1.206			
		Suối Nhiên(nhánh 2)	1	1.168		784	384		
		Suối Nhiên(nhánh 3)	1	962		962			
		Tổng		17.585	-	15.424	2.161		
	Đội QLBVR Cù Mông	Suối Hồ Sâu	1	2.033		2.033			cây bụi, dây leo, cây gỗ tái sinh, lau lách
		Suối Bàu lác	1	1.501			1.501		
		Suối Con cò	1	1.034		1.034			
		Suối Con cò 1	1	374		374			
		Suối Mun	1	1.991		1.991			
		Suối đất vồ	3	6.073		6.073			
		Suối phía Đông	1	660			660		
		Suối Bộng	1	1.046		1.046			
		Suối Lỡ	1	869		869			
		Suối Mơ	1	2.004		2.004			
4	Đội QLBVR	Tổng		16.855	280	13.130	3.445	-	-

Vũng Chua	Suối Nhon Phú	1	631		631			
	Suối Nhon Phú 1	1	542			542		
	Suối Nhon Phú 2	1	619			619		
	Suối Lê H. Phong	1	312			312		
	Suối Trầu	2	756		480	276		
	Suối Tiên	3	4.867		3.986	881		
	Suối Bà Lý	1	3.071		3.071			
	Suối Quy Hòa	2	2.334		1.881	453		
	Suối Quy Hòa 1	1	904		542	362		
	Suối Quy Hòa 2	1	837		837			
	Suối Bến Chó	2	1.982	280	1.702			
Tổng cộng		13	56.774	6.228	41.618	8.928	-	-

* Vị trí, hiện trạng các dòng suối phân bố cụ thể như sau:

- Suối cấp 4 có chiều rộng lòng suối từ 2 - 5m, tổng chiều dài 8.928 m, thuộc tiểu khu 339, 358, xã Canh Vinh, (thuộc đội QLBR Bắc Sơn quản lý); tiểu khu 351, xã Canh Vinh; tiểu khu 352, 353, phường Quy Nhơn Tây (thuộc đội QLBR Long Mỹ quản lý); tiểu khu 329a, phường Quy Nhơn Bắc, tiểu khu 329b, 343, 344, phường Quy Nhơn Tây (thuộc đội QLBR Cù Mông quản lý); tiểu khu 330a, 330b, phường Quy Nhơn Bắc, tiểu khu 331d, phường Quy Nhơn, tiểu khu 345, phường Quy Nhơn Nam, chảy dọc theo ranh các lô rừng trồng của Công ty. Hiện trạng thực vật hành lang tự nhiên của suối qua đất của Công ty bao gồm cây gỗ tái sinh, cây bụi, Lau lách, dây leo, ...

- Suối cấp 3 có chiều rộng lòng suối từ 5-10m, tổng chiều dài 41.618 m phần lớn chảy dọc theo ranh lô rừng và một số nhánh chảy qua xen kẽ với đất của các chủ rừng khác và lâm phần của Công ty quản lý (Đội QLBR Bắc Sơn 4.402 m; Đội QLBR Long Mỹ 8.662 m; Đội QLBR Cù Mông 15.424 m; Đội QLBR Vũng Chua 13.130 m). Hiện trạng thực vật hành lang tự nhiên của suối qua đất của Công ty bao gồm cây gỗ tái sinh, cây bụi, Lau lách, dây leo, ...

2. Các khe suối trong diện tích cấp chứng chỉ FSC

Stt	Đội QLBVR	Tên suối	Số dòng chảy (dòng)	Tổng chiều dài (m)	Chia theo bề rộng dòng chảy				Mô tả hiện trạng thực bì mỗi bên
					Suối cấp 2 (10- 20m)	Suối cấp 3 (5- 10m)	Suối cấp 4 (2-5m)	Suối cấp 5 (>2m)	
1	Đội QLBVR Bắc Sơn	Tổng		7.218	595	4.402	2.221		cây bụi, dây leo, cây gỗ tái sinh, rừng trồng
		Suối Canh Vinh	1	422		422			
		Suối Hà Tang	1	1.642		1.248	394		
		Suối Hà Tang 1	2	3.114	595	2.141	378		
		Suối Hà Tang 2	1	538			538		
		Suối đất sét	1	598			598		
		Suối Canh Hiến	1	904		591	313		
2	Đội QLBVR Long Mỹ	Tổng		12.625	2.862	8.662	1.101		cây bụi, dây leo, cây gỗ và cây gỗ tái sinh, lau lách
		Suối Cắm	1	3.204	1.868	1.051	285		
		Suối nước khoáng 1	1	1.065		1.065			
		Suối nước khoáng 2	1	2.409		2.409			
		Suối nước khoáng 3	1	781		781			
		Suối nước khoáng 4	1	836		404	432		
		Suối Nhiên	1	994	994				
		Suối Nhiên(nhánh 1)	1	1.206		1.206			
		Suối Nhiên(nhánh 2)	1	1.168		784	384		
		Suối Nhiên(nhánh 3)	1	962		962			
3	Đội QLBVR Cù Mông	Tổng		5.497	0	5.497			
		Suối đất vỡ	3	4.469		4.469			
		Suối Bộng	1	159		159			
		Suối Lỡ	1	869		869			
Tổng cộng				25.340	3.457	18.561	3.322		

* Vị trí, hiện trạng các dòng suối trong khu vực cấp chứng chỉ phân bố cụ thể như sau:

- Suối cấp 4 có chiều rộng lòng suối từ 2 - 5m, tổng chiều dài 3.322 m, thuộc tiểu khu 339, 358, xã Canh Vinh, (thuộc đội QLVR Bắc Sơn quản lý); tiểu khu 351, xã Canh Vinh; tiểu khu 352, phường Quy Nhơn Tây (thuộc đội QLVR Long Mỹ quản lý), chảy dọc theo ranh các lô rừng trồng của Công ty. Hiện trạng thực vật

hành lang tự nhiên của suối qua đất của Công ty bao gồm cây gỗ tái sinh, cây bụi, Lau lách, dây leo, ...

- Suối cấp 3 có chiều rộng lòng suối từ 5-10m, tổng chiều dài 18.561 m phần lớn chảy dọc theo ranh lô rừng và một số nhánh chảy qua xen kẽ với đất của các chủ rừng khác và lâm phần của Công ty quản lý (Đội QLVR Bắc Sơn 4.402 m; Đội QLVR Long Mỹ 8.662 m; Đội QLVR Cù Mông 5.497 m). Hiện trạng thực vật hành lang tự nhiên của suối qua đất của Công ty bao gồm cây gỗ tái sinh, cây bụi, Lau lách, dây leo, ...

II . KẾ HOẠCH BẢO VỆ HÀNH LANG SUỐI VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC NĂM 2025 – 2030.

1. Quy định hành lang ven suối:

- + Sông, suối cấp 1 (bề rộng trên 20m): hành lang bảo vệ mỗi bên 30m;
- + Sông, suối cấp 2 (bề rộng từ 10 - 20m): hành lang bảo vệ mỗi bên 20m;
- + Sông, suối cấp 3 (bề rộng từ 5 - 10m): hành lang bảo vệ mỗi bên 10m.
- + Suối cấp 4 (bề rộng từ 2 - 5 m): hành lang bảo vệ mỗi bên 5m.
- + Suối nhỏ (bề rộng lòng suối < 2m): thể hiện trên bản đồ và để lại hành lang ven suối theo tự nhiên sẵn có.

2. Mục đích:

- Đảm bảo duy trì và bảo vệ tốt 56.774 m suối trên địa bàn của Công ty quản lý (trong đó có 25.340 m trong diện tích cấp chứng chỉ).
- Nhằm bảo vệ được những diện tích ở khu vực ven suối.
- Đảm bảo giữ nước, bảo vệ đất và phòng chống xói mòn rửa trôi đất.
- Đảm bảo cảnh quan sinh thái trong khu vực.
- Có chỗ trú ngụ cho động thực vật, an toàn đa dạng sinh học, bảo tồn động thực vật.
- Đảm bảo quản lý rừng lâu dài bền vững.

3. Yêu cầu:

- Bảo vệ được nguồn nước, ven sông, ven suối, phòng chống xói mòn.
- Có tác dụng như các đường băng xanh để phòng cháy chữa cháy rừng.
- Những vị trí có thực bì đảm bảo khoanh nuôi bảo vệ phát triển thành rừng. Ngăn chặn không để xâm thực cây nhập nội vào hành lang bảo vệ ven suối và diện tích bảo vệ đa dạng sinh học.
- Đảm bảo quản lý rừng lâu dài bền vững.

4. Kế hoạch bảo vệ hành lang ven suối và đa dạng sinh học 2026 – 2030

Tiếp tục thực hiện công tác QLBV hệ thống hành lang ven suối theo hiện trạng hiện có của Công ty, đặc biệt là 25.340 m khe suối và hành lang ven suối trong khu vực cấp chứng chỉ FSC, nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động quản lý rừng như: trồng rừng, chăm sóc rừng, khai thác, vận chuyển ...

Trong năm 2026 Công ty có kế hoạch trồng bổ sung cây tại khu vực hành lang ven suối cụ thể như sau:

- Địa điểm: Khoảnh 7, tiểu khu 353, phường Quy Nhơn Tây.
- Loài cây trồng: Sao đen.
- Tổng số cây trồng: 500 cây.

TT	Hạng mục	ĐVT	Định mức (công/cây)	Khối lượng (công)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (VNĐ)
1	Cuốc hố (40x40x40cm)	Công	15,38 công/1000 hố	7,69	306.000	2.353.140
2	Lấp hố	Cây	4,9 công/1000 hố	2,45	306.000	749.700
3	Vận chuyển cây và trồng (bầu 13x18cm)	Cây	23,26 công/1000 cây	11,63	306.000	3.558.780
4	Cây giống Sao đen	Cây		500	10.000	5.000.000
	Tổng cộng					11.661.620

(Ghi chú: Kinh phí công bảo vệ HLVS và Đa dạng sinh học thực tế là lương của cán bộ nhân viên QLBV rừng của các Đội QLBR)

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH BẢO VỆ HÀNH LANG VEN SUỐI VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

1. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục:

Tuyên truyền tới toàn thể CBCNV, người lao động và cư dân trên địa bàn; ban hành các văn bản tuyên truyền gửi đến các Đội QLBR trực thuộc; In, phát hành tờ rơi tuyên truyền rộng rãi về chức năng của khe suối và đa dạng sinh học, vai trò của hành lang bảo vệ ven suối tới toàn thể CBCNV, người lao động và nhân dân trong vùng, các cấp chính quyền địa phương với mục tiêu mọi người dân đều nâng cao ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước mà chính họ là người sử dụng; từ đó các hộ dân tự nguyện tham gia bảo vệ, không tự ý chặt phá cây trong hành lang bảo vệ sông, suối, khe, rạch và đa dạng sinh học.

2. Thực hiện tốt các văn bản bảo vệ hành lang ven suối và đa dạng sinh học:

- Trong nội bộ Công ty: Xây dựng các quy định nội bộ về bảo vệ đa dạng sinh học, thể hiện cụ thể trong quy chế quản lý sử dụng đất đai, quản lý bảo vệ rừng, nghiệm thu rừng sau khai thác gỗ nguyên liệu giấy trong đó có quy định

bảo vệ hành lang ven suối và bảo vệ đa dạng sinh học, có khen thưởng và xử phạt đối với CBCNV, người lao động có thành tích hoặc vi phạm trong công tác bảo vệ hành lang ven suối và bảo vệ Đa dạng sinh học.

- Ban hành các công văn có liên quan đến bảo vệ hành lang ven suối và bảo vệ đa dạng sinh học gửi các xã trên địa bàn và các tổ thực hiện khai thác nguyên liệu cho Công ty, cũng như công nhân trực tiếp sản xuất.

- Xây dựng kế hoạch mở lớp tập huấn quy định bảo vệ hành lang suối và bảo vệ đa dạng sinh học. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho các công nhân khai thác và trồng rừng hiểu biết được tầm quan trọng của việc bảo vệ hành lang ven suối và quy định bảo vệ hành lang ven suối và đa dạng sinh học. (thời gian tập huấn vào đầu quý III năm 2026).

3. Biện pháp lâm sinh tác động:

- Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên ven suối.
- Bảo vệ nguyên vẹn hiện trạng hành lang ven suối và đa dạng sinh học, ngăn chặn không cho xâm thực cây nhập nội vào hành lang bảo vệ suối và diện tích bảo vệ đa dạng sinh học, ngăn chặn các hành vi xâm hại.
- Bảo vệ không khai thác lâm sản, động thực vật.
- Phòng chống cháy rừng, sâu bệnh hại, ...

IV. Các vị trí có thể gây xói mòn, sạt lở

1. Địa điểm có khả năng xảy ra xói mòn, sạt lở năm 2026

Xã/phường	Lô	Khoảnh	TK	Tình trạng xói mòn	X	Y
Quy Nhơn Tây	12	7	353	Xói mòn– Sạt lở	594,911	1,513,056
Quy Nhơn Tây	2	8	353	Xói mòn nhẹ	594,509	1,513,422
Quy Nhơn Tây	13	7	352	Xói mòn– Sạt lở	593,647	1,511,782
Quy Nhơn Tây	3	9	344	Xói mòn nhẹ	601,643	1,515,612
Quy Nhơn Tây	7d	9	344	Xói mòn– Sạt lở	601,314	1,514,620
Quy Nhơn Tây	2	10	344	Xói mòn– Sạt lở	600,168	1,515,168
Quy Nhơn Tây	12	9	344	Xói mòn– Sạt lở	600,751	1,514,655
Quy Nhơn Tây	5	8	352	Xói mòn– Sạt lở	593,168	1,511,864
Quy Nhơn Tây	45	5	352	Xói mòn nhẹ	594,140	1,512,146
Ghi chú	XM – SL			Xói mòn – Sạt lở		
	XMN			Xói mòn nhẹ		
	XMN – IAH			Xói mòn nhẹ ít ảnh hưởng		

2. Biện pháp thực hiện

- Tập trung theo dõi kiểm tra khắc phục các vị trí xói mòn – sạt lở .
- Trồng rừng theo đường đồng mức giảm thiểu xói mòn.
- Duy tu bảo dưỡng đường vận xuất theo đúng quy định nhằm giảm thiểu tác động của quá trình vận chuyển, vận xuất gây ra xói mòn.
- Thực hiện khai thác tác động thấp trong suốt quá trình khai thác.
- Sau khai thác tận dụng cành nhánh, vỏ cây băm dăm nhỏ trải trên đường vận xuất và mặt đất hạn chế xói mòn xảy ra.
- Làm hàng rào để hạn chế xói mòn, rửa trôi đất và cát xuống suối (nếu có)

3. Dự trù kinh phí khắc phục xói mòn

- Tại các vị trí xảy ra xói mòn, sạt lở theo như bảng trên.
- Tính chi phí cho 1 vị trí xói mòn, sạt lở
- Tận dụng cành nhánh, vỏ cây băm dăm nhỏ trải trên đường vận xuất và mặt đất chia nhỏ dòng chảy, làm giảm độ xói mòn.
 - Tận dụng các cành nhánh nhỏ còn nằm rải rác trên hiện trường tiến hành thu gom tạo các hàng rào nhỏ trên sườn đồi hình bậc thang để chia nhỏ dòng chảy, làm giảm xói mòn.

Bình quân 05 công/vị trí x 9 điểm = 45 công.

Thành tiền: 13.770.000 đồng (45 công x 306.000 đồng/ công)

V. Tổng chi phí bảo vệ hành lang ven suối và giảm thiểu xói mòn tác động môi trường – xã hội năm 2026:

Tổng chi phí: 85.868.578 đồng (*Tám mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng*), trong đó:

- Chi phí bảo vệ hành lang ven suối: 60.436.958 đồng.
- Chi phí giảm thiểu xói mòn tác động môi trường: 25.431.620 đồng.

VI. Tổ chức thực hiện.

- Phòng Kỹ thuật - QLБVR giám sát kiểm tra đánh giá sinh trưởng và kiểm tra, đánh giá hàng năm, có phương án khắc phục; Thường xuyên theo dõi kiểm tra phát hiện những hiện tượng xấu ảnh hưởng đến rừng bảo vệ.

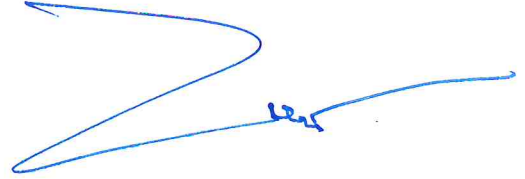
- Phối hợp với chính quyền địa phương các xã trong địa bàn; Hạt kiểm lâm các huyện triển khai các hoạt động quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ hành lang ven suối và đa dạng sinh học; thường xuyên tiến hành tuần tra các khu vực dễ bị xâm hại, xử lý nghiêm minh các trường hợp cố tình vi phạm.

Trên đây là Kế hoạch bảo vệ hành lang ven suối và đa dạng sinh học từ năm 2026 đến năm 2030 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn. Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện vị trí hoặc giải pháp nào chưa phù hợp hoặc có hướng dẫn mới của cấp trên thì Kế hoạch sẽ được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Công ty;
- UBND các phường trong địa bàn;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Các Đội QLBR trực thuộc;
- Lưu : VT, TT.FSC.

PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Hà Giang